

CHÍNH PHỦ
Số: 99/2003/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Khu công nghệ cao.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quy chế Khu công nghệ cao tại Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao. Các quy định khác trái với quy định tại Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghệ cao chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

QUY CHẾ

Khu Công nghệ cao

(Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của

Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Khu công nghệ cao.
2. Đối tượng áp dụng Quy chế này là các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động tại Khu công nghệ cao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Công nghệ cao" là công nghệ được tích hợp từ các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, có khả năng tạo ra sự tăng đột biến về năng suất lao động, tính năng, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hoá, hình thành các ngành sản xuất hoặc dịch vụ mới có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng.
2. "Sản phẩm công nghệ cao" là sản phẩm được tạo ra nhờ áp dụng công nghệ cao.
3. "Khu công nghệ cao" là khu kinh tế - kỹ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, nhằm nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao và sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao. Trong Khu công nghệ cao có thể có khu chế xuất, kho ngoại quan, khu bảo thuế và khu nhà ở.
4. "Nhà đầu tư" là các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao.
5. "Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao" là hoạt động hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có ý tưởng khoa học công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ thực hiện việc hoàn thiện công nghệ, chế thử sản phẩm và thành lập doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Điều 3. Mục tiêu của Khu công nghệ cao

1. Góp phần xây dựng năng lực nghiên cứu - phát triển trong lĩnh vực công nghệ cao của đất nước.
2. Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ cao, nhân lực công nghệ cao trong nước và nước ngoài, góp phần xây dựng các ngành công nghiệp công nghệ cao làm động lực phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các vùng kinh tế trọng điểm.
3. Tạo điều kiện thuận lợi gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu - phát triển công nghệ cao với sản xuất và dịch vụ, thúc đẩy đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thương mại hoá công nghệ cao.
4. Góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ.

Điều 4. Bảo đảm của nhà nước

1. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật ngoài Khu công nghệ cao phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Khu công nghệ cao.
2. Đối xử bình đẳng và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào Khu công nghệ cao; các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài làm việc tại Khu công nghệ cao.
3. Bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn đầu tư, tài sản, lợi nhuận, quyền sở hữu trí tuệ, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động tại Khu công nghệ cao; bảo đảm tài sản hợp pháp của họ tại Khu công nghệ cao không bị trưng dụng, tịch thu bằng các biện pháp hành chính và quốc hữu hoá trong thời gian thực hiện dự án đầu tư.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 5. Các lĩnh vực đầu tư và các lĩnh vực công nghệ cao khuyến khích đầu tư

1. Các lĩnh vực đầu tư:

- a) Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- b) Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ cao.
- c) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo nhân lực công nghệ cao.
- d) Ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và xúc tiến thương mại công nghệ cao.
- đ) Cung cấp các dịch vụ.

2. Các lĩnh vực công nghệ cao được khuyến khích đầu tư:

- a) Công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học.
- b) Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế.
- c) Công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang - điện tử và tự động hoá.
- d) Công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano.
- đ) Công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới.
- e) Một số công nghệ đặc biệt khác.

3. Căn cứ vào các lĩnh vực công nghệ cao quy định tại khoản 2 Điều này, Ban Quản lý Khu công nghệ cao công bố danh mục các dự án cụ thể được khuyến khích đầu tư vào Khu công nghệ cao thuộc các lĩnh vực: sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao và nghiên cứu - phát triển công nghệ cao.

Điều 6. Thẩm quyền và thủ tục đầu tư vào Khu công nghệ cao

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao hướng dẫn nhà đầu tư về thủ tục đầu tư vào Khu công nghệ cao; tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư được ủy quyền; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư không được ủy quyền.
2. Đối với các dự án đầu tư được ủy quyền, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý Khu công nghệ cao phải xem xét, quyết định và thông báo cho nhà đầu tư việc cấp hay từ chối cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Trường hợp từ chối, Ban Quản lý Khu công nghệ cao phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
3. Đối với các dự án đầu tư không được ủy quyền, Ban Quản lý Khu công nghệ cao có trách nhiệm làm đầu mối giúp các nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc

trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư theo nguyên tắc một cửa, tại chỗ.

4. Dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao được lập theo quy định của pháp luật, có giải trình rõ việc đáp ứng những điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Các ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư nước ngoài được xem xét đồng thời trong quá trình thẩm định cấp Giấy phép đầu tư và được quy định trong Giấy phép đầu tư. Các ưu đãi đối với dự án đầu tư trong nước được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Chương III

QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điều 7. Quản lý đất đai

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao được giao đất một lần để tổ chức xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao theo quy hoạch và mục đích sử dụng đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ban Quản lý Khu công nghệ cao được giao đất, cho thuê đất cho các nhà đầu tư theo trình tự quy định của pháp luật về đất đai.

2. Nhà đầu tư sử dụng đất trong Khu công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trình tự, thủ tục giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Quản lý quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật

1. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình trong Khu công nghệ cao phải tuân theo quy hoạch đã được phê duyệt. Ban Quản lý Khu công nghệ cao quản lý hồ sơ quy hoạch, thiết kế kỹ thuật và biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong Khu công nghệ cao.

2. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước, Ban Quản lý Khu công nghệ cao tổ chức việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.